

Số: 1521 /BVNQ-DUỐC

Nho Quan, ngày 21 tháng 11 năm 2023

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện Đa khoa huyện Nho Quan có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm vật tư y tế sử dụng trong 12 tháng năm 2023-2024 tại Bệnh viện Đa khoa huyện Nho Quan với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Bệnh viện Đa khoa huyện Nho Quan
- Địa chỉ :Phố Tân Nhất, thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình)

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- DS : Đinh Thị Thủy - khoa Dược -Bệnh viện Đa khoa huyện Nho Quan
- Số điện thoại : 0945.685.338
- Email : dinhthuy.bvnq@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ:* Bệnh viện Đa khoa huyện Nho Quan ( Phố Tân Nhất, thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình)
- *Nhận qua email:* khoaduoc.bvnq@gmail.com
- *Nhận qua Fax:* Không

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 22 tháng 11 năm 2023 đến trước 17h ngày 01 tháng 12 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2023.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục : Phụ lục chi tiết kèm theo.
2. Địa điểm cung cấp: Yêu cầu bảo quản, vận chuyển, giao hàng tại kho của Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa huyện Nho Quan.
3. Thời gian giao hàng dự kiến: <= 7 ngày từ ngày có yêu cầu đặt hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Không tạm ứng.
- Hình thức thanh toán : Chuyển khoản
- Thời hạn thanh toán : 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu của pháp luật hiện hành.

5. Các đơn vị tham gia báo giá đề nghị báo giá theo mẫu báo giá đính kèm yêu cầu báo giá này.

Rất mong nhận được sự tham gia của các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận :**

- Đăng Website BV
- Ban giám đốc (để b/c)
- Lưu VT, Dược.



**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Thái Hòa**



### Nội dung yêu cầu Báo giá

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 1521/BVNQ-Được ngày 21/11/2023 của Bệnh viện Đa khoa huyện Nho Quan)

| STT | Danh mục hàng hóa          | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật.                    | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 1   | Bông y tế thấm nước        | Bông hút, Sản xuất 100% bông xơ thiên nhiên dùng trong lĩnh vực y tế .                                   | Kg          | 120      |
| 2   | Băng bột bó 10cm           | Kích thước: $\geq 10\text{cm} \times 350\text{cm}$ .Làm từ bột liền gạc, thạch cao $\geq 80\%$           | Cuộn        | 432      |
| 3   | Băng bột bó 15cm           | Kích thước: $\geq 15\text{ cm} \times 350\text{cm}$ .Làm từ bột liền gạc, thạch cao $\geq 80\%$          | Cuộn        | 288      |
| 4   | Băng dính lụa              | Băng dính vải lụa, kích thước 2.5cm x 5m                                                                 | Cuộn        | 1,000    |
| 5   | Băng vải cuộn              | Kích thước $\geq 10\text{cm} \times 5\text{m}$ . Được dệt từ 100% sợi cotton                             | Cuộn        | 1,300    |
| 6   | Bơm tiêm nhựa 50ml         | Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml.                                                                         | Cái         | 100      |
| 7   | Bơm tiêm nhựa 10ml         | Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G.                                                           | Cái         | 40,000   |
| 8   | Bơm tiêm nhựa 5ml          | Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G                                                             | Cái         | 60,000   |
| 9   | Bơm tiêm 3ml               | Bơm tiêm nhựa liền kim 3ml.Kim cỡ 23G;                                                                   | Cái         | 24,000   |
| 10  | Bơm tiêm nhựa 1ml          | Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml.Kim các cỡ                                                                    | Cái         | 42,000   |
| 11  | Bộ dây truyền dịch         | Dây truyền dịch có kim cánh bướm, kim các cỡ, Chiều dài dây dẫn $\geq 1500\text{ mm}$ , đã tiệt trùng    | Bộ          | 20,000   |
| 12  | Bộ rửa dạ dày hệ thống kín | Bộ rửa dạ dày hệ thống kín gồm 1 túi dịch vào, 1 túi dịch ra, kết nối với nhau bằng hệ thống dây dẫn kín | Bộ          | 20       |
| 13  | Chloramine B (cloramin B ) | Túi 1kg.                                                                                                 | Kg          | 100      |
| 14  | Chỉ Catgut số 1            | Chỉ catgut Chromic liền kim số 1, kim tròn, dài $\geq 75\text{cm}$ .                                     | sợi         | 180      |
| 15  | Chỉ Catgut số 2/0          | Chỉ catgut Chromic liền kim số 2/0, kim tròn, dài $\geq 75\text{cm}$                                     | Sợi         | 180      |

| STT | Danh mục hàng hóa                               | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật.                                            | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 16  | Chỉ nylon liền kim các số                       | Chỉ Nylon liền kim, kim tam giác, dài $\geq 75\text{cm}$ . Các số 2/0; 3/0; 4/0.                                                 | Sợi         | 1,140    |
| 17  | Chỉ khâu tiêu tổng hợp (Polyglactin 910) số 1   | Chỉ Polyglactin 910 số 1, dài $\geq 90\text{cm}$ , kim tròn.                                                                     | Sợi         | 120      |
| 18  | Chỉ khâu tiêu tổng hợp (Polyglactin 910) số 2/0 | Chỉ Polyglactin 910 số 2/0, dài $\geq 70\text{cm}$ , kim tròn.                                                                   | Sợi         | 480      |
| 19  | Cồn 90 độ                                       | quy cách lít/ can.                                                                                                               | Lít         | 360      |
| 20  | Dây thở oxy người lớn                           | Dây thở oxy 2 nhánh, Các cỡ. Dây dẫn chính có chiều dài $\geq 2000\text{ mm}$ .                                                  | Bộ          | 300      |
| 21  | Dây hút nhót                                    | Được làm từ nhựa PVC nguyên sinh không độc hại, không gây kích ứng. Phân biệt kích cỡ theo màu sắc. Được tiệt trùng. Các số 6-16 | Cái         | 200      |
| 22  | Dây truyền máu                                  | Bộ dây truyền máu có kim, không có chất DEHP, không Latex, Có khoá điều chỉnh.                                                   | Bộ          | 25       |
| 23  | Dung dịch ngâm dụng cụ mức độ cao               | Glutaraldehyde $\geq 2,5\%$                                                                                                      | Lít         | 100      |
| 24  | Dung dịch tẩy rửa sinh học                      | Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế có hoạt tính enzym.                                                                              | Lít         | 24       |
| 25  | Dung dịch xà phòng rửa tay                      | Dung dịch xà phòng rửa tay dùng trong y tế, thành phần chứa Chlohexedin 2,0 %                                                    | Lit         | 24       |
| 26  | Dung dịch xà phòng rửa tay phẫu thuật           | Dung dịch xà phòng rửa tay dùng trong phẫu thuật, tành phần chứa Chlohexedin 4,0 %.                                              | Lit         | 12       |
| 27  | Giấy điện tim 6 cần                             | Kích thước $\geq 110\text{mm} \times 140\text{mm}$ , loại có dòng kẻ, tương thích với máy điện tim hãng Nihon Koden.             | Tập         | 100      |
| 28  | Giấy điện tim 3 cần                             | Kích thước $\geq 63\text{mm} \times 30\text{m}$ , dùng cho máy điện tim 3 cần                                                    | Cuộn        | 50       |
| 29  | Giấy in nhiệt                                   | Giấy in nhiệt; kích thước 57mm                                                                                                   | Cuộn        | 100      |
| 30  | Giấy in siêu âm                                 | Kích thước 110mm x 20m, UPP - 110S, dùng tương thích với tất cả các máy in nhiệt SONY                                            | Cuộn        | 100      |



| STT | Danh mục hàng hóa                    | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật.                                | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 31  | Găng khám                            | các cỡ, nguyên liệu cao su tự nhiên, phủ bột chống dính.                                                             | Đôi         | 30,000   |
| 32  | Găng tay phẫu thuật tiệt trùng       | Đôi/túi.Các cỡ, đã tiệt trùng.                                                                                       | Đôi         | 16,000   |
| 33  | Gạc hút y tế                         | Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút.                                                                      | Mét         | 2,000    |
| 34  | Gạc phẫu thuật 30 x60cm              | Gạc hút nước 100% cotton, KT: 30cm x 60cm, vô trùng.Dùng thấm máu trong phẫu thuật                                   | Cái         | 2,000    |
| 35  | Gạc phẫu thuật không dệt 7,5 x7,5 cm | Gạc không dệt, KT 7,5x7,5cm, vô trùng, dùng thấm máu trong phẫu thuật                                                | Cái         | 3,000    |
| 36  | Khẩu trang y tế                      | Khẩu trang dùng trong y tế, 4 lớp, có dây thun móc tai và nẹp mũi nhựa hoặc kim loại.                                | Cái         | 20,000   |
| 37  | Kim Cánh bướm G25                    | Bộ kim cánh bướm, cỡ 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa dài $\geq 30$ cm                                               | Cái         | 1,000    |
| 38  | Kim cánh bướm G23                    | Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa dài $\geq 30$ cm.                                              | Cái         | 2,500    |
| 39  | Kim lấy thuốc                        | Kim các số, Vi đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim.                                                         | Cái         | 50,000   |
| 40  | Kim châm cứu                         | Kim châm cứu vô trùng dùng một lần. Các cỡ.                                                                          | Cái         | 200,000  |
| 41  | Kim chích máu                        | Được sản xuất từ thép Carbon, đầu mũi kim được vát nhọn.                                                             | Cái         | 1,000    |
| 42  | Kim luồn tĩnh mạch 20G               | Kim luồn tĩnh mạch ngoại vi, có cánh, có cổng tiêm thuốc, cỡ 20G.                                                    |             | 1,000    |
| 43  | Kim gây tê tùy sống                  | Kim gây tê tùy sống đầu có 3 mặt vát sắc. Các cỡ từ 18G đến 27G.                                                     | Cái         | 300      |
| 44  | Kẹp rốn sơ sinh                      | Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Không chứa độc tố DEHP                                  | Cái         | 300      |
| 45  | Lưỡi dao mổ                          | Các số; đã tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái                                                                       | Cái         | 800      |
| 46  | Mask thở oxy người lớn               | Mặt nạ oxy gồm mặt nạ thở oxy có kẹp mũi có thể điều chỉnh và dây thun đeo, dây nối có chiều dài $\geq 2$ m, các cỡ. | Cái         | 200      |



| STT | Danh mục hàng hóa               | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật.                                                                                                                 | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 47  | Mũ phẫu thuật                   | Quy cách: cái/ gói                                                                                                                                                                                    | Cái         | 3,000    |
| 48  | Nước oxy già                    | Dung dịch 3%, Lọ $\geq 50$ ml                                                                                                                                                                         | Lọ          | 100      |
| 49  | Nẹp cổ cứng                     | Làm từ chất liệu mút mật độ cao EVA và Có khóa Velcro, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Hỗ trợ sơ cứu chấn thương đốt sống cổ, treo cổ hoặc căng cổ quá mức, hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ. Các cỡ | Cái         | 30       |
| 50  | Que thử đường huyết Oncall Plus | Que thử đường huyết dùng để đo nồng độ đường huyết trong máu tươi toàn phần. Que thử sử dụng một lần. Dùng tương thích cho máy Oncall Plus                                                            | Test        | 400      |
| 51  | Thanh dè lưỡi gỗ                | Quy cách: Cái/ túi                                                                                                                                                                                    | Cái         | 3,000    |
| 52  | Sonde foley 2 nhánh             | Ống thông tiểu ( Foley ) hai nhánh, các số 8-24                                                                                                                                                       | Cái         | 100      |
| 53  | Túi Camera                      | Túi Camara vô trùng.                                                                                                                                                                                  | Cái         | 200      |
| 54  | Túi đựng máu đơn                | Có cấu trúc gồm 1 túi dung tích 250ml, Túi chứa dung dịch chống đông và bảo quản CPDA-1.                                                                                                              | Cái         | 10       |
| 55  | Tấm trải nilon                  | Tấm trải nylon, kích thước $\geq 100 \times 130$ cm                                                                                                                                                   | Cái         | 200      |
| 56  | Đầu côn vàng                    | Đầu côn vàng dung tích $\leq 200$ ul, làm từ nhựa PP. Dùng để lắp vào Pipette để hút mẫu làm xét nghiệm                                                                                               | Cái         | 5,000    |
| 57  | Ống nghiệm nhựa có nắp.         | Ống nghiệm nhựa KT $\leq 13 \times 75$ mm, có nắp, có nhãn ghi.                                                                                                                                       | Ống         | 24,000   |
| 58  | Ống nghiệm EDTA                 | Ống nghiệm chứa chất chống đông EDTA K2                                                                                                                                                               | Ống         | 24,000   |
| 59  | Ống nghiệm Heparin              | Ống nghiệm chứa chất chống đông Heparin.                                                                                                                                                              | Ống         | 24,000   |
| 60  | Ống nghiệm Citrate              | Ống nghiệm chứa chất chống đông Citrate                                                                                                                                                               | Ống         | 5,000    |
|     | <b>Tổng 60 mặt hàng</b>         |                                                                                                                                                                                                       |             |          |



Biểu mẫu báo giá  
**BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>**

**Kính gửi: ...** *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

**1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan**

| STT | Danh mục thiết bị <sup>(2)</sup> | Ký, mã, nhãn hiệu, model. <sup>3)</sup> | Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói/ tiêu chuẩn chất lượng <sup>(4)</sup> | hãng sản xuất/ nước sản xuất <sup>(5)</sup> | Số lượng <sup>(6)</sup> | Đơn vị tính <sup>(7)</sup> | Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND) | Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND) |
|-----|----------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Thiết bị A                       |                                         |                                                                            |                                             |                         |                            |                              |                                                        |                                                  |                                  |
| 2   | Thiết bị B                       |                                         |                                                                            |                                             |                         |                            |                              |                                                        |                                                  |                                  |
| n   | ...                              |                                         |                                                                            |                                             |                         |                            |                              |                                                        |                                                  |                                  |

*(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)*

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm...*[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá]*.

**3. Chúng tôi cam kết:**

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**  
*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*



## Biểu mẫu báo giá

### Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Thông số kỹ thuật, quy cách đóng gói, tiêu chuẩn chất lượng của từng thiết bị y tế.

(5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể hãng sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn vị tính nhỏ nhất tương ứng với từng thiết bị y tế.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế theo đơn vị tính

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

